

Bản án số: 198/2020/DS-PT

Ngày: 30/11/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Lộc

Bà Trần Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2020/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 250/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 279/2020/QĐPT ngày 17/11/2020; giữa các đương sự: giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông **Lê Hồng Th**, sinh năm: 1945.

2. Bà **Ngô Thị M**, sinh năm: 1948.

Cùng địa chỉ: Số 234, khóm T, phường TN, thành phố L; bà M ủy quyền cho ông Th (theo văn bản ủy quyền ngày 04/02/2020).

- Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Thái Th1**, sinh năm: 1962.

2. Bà **Trần Cẩm L**, sinh năm: 1970.

Cùng địa chỉ: 341 khóm T, phường TN, thành phố L.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th 1:* Bà **Nguyễn Thị Th2**
– Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :* Bà **Trần Thị Kim Y**, sinh năm: 1978; Địa chỉ: 250A Quốc lộ 1A, phường Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Thái Th1 và bà Trần Cẩm L.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Hồng Th, bà Ngô Thị M trình bày:

Ông và ông Nguyễn Thái Th là bạn đồng hương quê Hải Dương, vào Vĩnh Long sinh sống cũng là hàng xóm với nhau. Ngày 06/9/2008, ông Thủy, bà Lê có vay của ông bà số tiền 400.000.000 đồng, nhận tiền hai lần: lần đầu 360.000.000 đồng và lần sau 40.000.000 đồng, mục đích vay để mua bán phế liệu, mức lãi thỏa thuận tại biên nhận 4%/tháng, khi nào ông Th, bà M cần tiền thì báo trước cho ông Th1, bà L 01 tháng để thanh toán hoàn tất nếu không xoay trả kịp thì ông, bà tăng lãi suất lên 08%/tháng nhưng chỉ gia hạn cho 01 tháng. Sau đó, ông bà nhiều lần đòi lại tiền nhưng ông Th1, bà L không trả. Tháng 6/2012 ông Th1 có trả bằng hình thức cản trù vào tiền ông đặt đóng bàn ăn, ghế đầu, giường massage tại nhà ông Th1 tương đương số tiền 7.000.000 đồng và 5000 USD tương đương tiền Việt Nam 97.000.000 đồng, tổng cộng trả được 104.000.000 đồng, ông bà xác định là tiền lãi của năm đầu (kể từ ngày vay đến ngày 06/9/2009). Từ ngày 07/9/2009 đến nay ông Th1, bà L không trả thêm được tiền. Nay ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Th 1, bà L trả tiền gốc 400.000.000 đồng; lãi suất tính từ ngày 07/9/2009 với mức 1,25%/tháng đến xét xử sơ thẩm là 650.430.000 đồng.

Tại tờ tường trình ngày 16/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thái Th1, bà Trần Cẩm L trình bày: Ông bà thừa nhận năm 2008 có vay tiền, thời gian vay, mức lãi suất và biên nhận vay ông Th, bà M trình bày là đúng nhưng chữ viết trong biên nhận ngày 06/9/2008 và dòng chữ mượn thêm 40.000.000 đồng không phải chữ viết của ông Th 1. Năm 2008 - 2009 gia đình ông, bà gặp nhiều khó khăn trong làm ăn do ông bị bệnh do tai nạn giao thông để lại di

chứng động kinh (co giật) nên ông bà trả được vốn gốc 355.000.000 đồng (gồm các khoản như: Hụi cũ 16.000.000 đồng, hụi mới 88.000.000 đồng, đưa cho Y con dâu ông Th, bà M 15.000.000 đồng, đóng hụi qua bà B 54.000.000 đồng, giường massage, bàn, ghế 34.000.000 đồng, bán sắt 43.000.000 đồng, gần tết năm 2010 trả 100.000.000 đồng, tháng 12/2017 trả 5.000.000 đồng do bà M nhận) và đóng lãi được 48.000.000 đồng, tổng cộng trả được 403.000.000 đồng. Khi đòi nợ ông Thái, bà M cho con trai là Q và 04 (bốn) người vào đập phá nhà cửa, làm cho cuộc sống gia đình ông bà hoang mang, hoảng sợ, con cái phải bỏ nhà để sống nơi khác. Sau khi sự việc đập phá nhà xảy ra, khoảng tháng 4/2010 ông Th, bà M có đến nhà ông bà xin được bãi nại sự việc Q đã gây ra, có đơn xin bãi nại, ông bà đồng ý, mọi việc coi như đã giải quyết xong. Trong quá trình vay tiền ông bà đã đóng lãi từ tháng 8/2008 đến tháng 4/2009 với mức lãi 04%/tháng tương ứng tiền lãi là 48.000.000 đồng; tiền gốc 355.000.000 đồng. Vì vậy, nay ông Th, bà M yêu cầu trả tiền gốc và lãi nêu trên ông bà không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Kim Y trình bày: Chị là con dâu của ông Th, bà M, chị về nhà chồng năm 1997 khoảng 03 năm sau ra sống riêng với gia đình nhà chồng, chị có biết ông Th1, bà L do là người cùng xóm. Đối với việc tranh chấp tiền vay giữa hai bên thì chị biết nhưng không biết cho mượn bao nhiêu và mượn vào thời gian nào. Có hai, ba lần bà M nhờ chị chở đến nhà ông Th1, bà L để đòi tiền nhưng đều không lấy được tiền, Chị xác định không có nhận tiền từ ông Th1, bà L gửi trả.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2020/DSST ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng các Điều 471, 474, 476, khoản 2 Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 468, điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 2, 5, 9, 10 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Th, bà Ngô Thị M;

Buộc ông Nguyễn Thái Th 1, bà Trần Cẩm L có nghĩa vụ trả cho ông Th , bà M số tiền 738.113.000 đồng (trong đó : tiền gốc 400.000.000 đồng; tiền lãi 338.113.000 đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Th , bà M về mức lãi vượt quá so với quy định của pháp luật , tương ứng tiền lãi không được chấp nhậ n là 312.317.000 đồng (ba trăm mười hai triệu, ba trăm mười bảy ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, bị đơn ông Nguyễn Thái Th1 và bà Trần Cẩm L có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long có quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung đề nghị sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ của bị đơn chưa chính xác nên áp dụng pháp luật để tính lãi không đúng gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Th1 và bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Thái Th1 trình bày: Việc yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ, khi vay chỉ viết tay khi trả nợ thì do tin tưởng không yêu cầu phía nguyên đơn ghi biên nhận, thể hiện từ năm 2011 đến nay, nếu ông Th1 không trả ông Th thì tại sao ông Th không khởi kiện; do đó đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Th, chấp nhận kháng cáo của ông Th1 và bà L.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long rút kháng nghị số: 03/QĐKNPT – VKS – DS ngày 21/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Th1, bà L về tiền gốc và lãi mà ông Th1 bà L có nghĩa vụ trả cho ông Th, bà M.

Rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 2 Điều 289; khoản 2; khoản 5 điều 308 BLTTDS năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Sửa một phần án sơ thẩm: Buộc ông Th1, bà L có nghĩa vụ trả cho ông Th, bà M số tiền vốn gốc là 308.820.000đ và lãi là 303.425.400đ tổng cộng là 612.245.400đ. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Th1; ông Th; bà M; bà L phải nộp 14.244.900đ. Do sửa án sơ thẩm nên ông Th1, bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 06/8/2020 Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tuyên án sơ thẩm. Ngày 18/8/2020, ông Nguyễn Thái Th1 và bà Trần Cẩm L nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 21/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long kháng nghị là còn trong thời hạn kháng nghị theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long rút lại quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT - KS - DS ngày 21/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long nên căn cứ khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với kháng nghị này.

[2] Về nội dung:

Về tiền gốc: Ông Th và bà M khởi kiện yêu cầu ông Th1 và bà L trả số tiền vay là 400.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 06/9/2008 cụ thể lần 1 với số tiền là 360.000.000 đồng vào ngày 06/9/2008 và lần 2 với số tiền là 40.000.000 đồng. Ông Th1 và bà L thừa nhận có nợ ông Th và bà M số tiền trên nhưng đã trả cho ông Th và bà M số tiền 355.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Th và bà M không thừa nhận, đồng thời chị Y là con dâu của ông Th, bà M cũng không thừa nhận có nhận tiền từ ông Th1, bà L. Và tại phiên tòa ông Th1, bà L cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả số tiền vốn vay cho ông Th, bà M nên bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền vốn vay 400.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn đối với số tiền vốn là không có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi: Tại giấy mượn tiền ngày 06/9/2008 hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và không xác định được thời hạn trả tiền vay. Xét hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật, đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì lãi suất không được quá 1,125%/tháng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi suất từ thời gian 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là không đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 và điểm a khoản Điều 2 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm” và điều chỉnh mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 06/9/2008 đến ngày 30/12/2016 là gây thiệt hại cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn cũng thống nhất theo bản án sơ thẩm về phần lãi suất và yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi từ ngày 07/9/2009 đến ngày 06/8/2020 là 338.113.000 đồng, nguyên đơn không kháng cáo và không yêu cầu điều chỉnh lại phần lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 48.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã đóng lãi 01 năm đầu với số tiền là 104.000.000 đồng gồm 5.000 USD tương đương tiền Việt Nam là 97.000.000 đồng và 7.000.000 đồng tiền đóng bàn, ghế, giường massage là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 07/9/2009 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,25%/tháng với số tiền là 650.430.000 đồng và được cấp sơ thẩm điều chỉnh lại mức lãi theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 với số tiền là 442.113.000 đồng trừ số tiền đã đóng 104.000.000 đồng, còn lại là 338.113.000 đồng là phù hợp.

[3] Từ nhận định trên:

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc rút kháng nghị và điều chỉnh lại phần vốn vay cũng như phần lãi suất Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thái Th1 và bà Trần Cẩm L.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Th1 và bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Th1 là người có công với cách mạng, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông Th1 theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thái Th1 và bà Trần Cẩm L.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2020/DSST ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 471, 474, 476, khoản 2 Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Thái , bà Ngô Thị Mùi;

Buộc ông Nguyễn Thái Th 1, bà Trần Cẩm L có nghĩa vụ trả cho ông Th , bà M số tiền 738.113.000 đồng (trong đó : tiền gốc 400.000.000 đồng; tiền lãi 338.113.000 đồng).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[2]. Không chấp nhận yêu cầu của ông Th , bà M về mức lãi vượt quá so với quy định của pháp luật , tương ứng tiền lãi không được chấp nhận là 312.317.000 đồng (ba trăm mười hai triệu, ba trăm mười bảy ngàn đồng).

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thái Th1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Trần Cẩm L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005709 ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TPVL: 01;
- VKSND TPVL: 01;
- Chi Cục THADS TPVL: 01;
- Đương sự: 5;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Văn Lạc